TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN LỨC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07/3/2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Nam

Bà Nguyễn Thị Hưởng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Phúc

Ngày 07 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 574/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn T H T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp 3, xã X, huyện Y, tỉnh L A

Bị đơn: Ông Nguyễn T T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp 3, xã X, huyện Y, tỉnh L A.

(Bà T, ông T vắng mặt có Đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/11/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn T H T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Do quen biết và được gia đình hai bên đồng ý, nên bà và ông T đã xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh L A..

Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại xã X, huyện Y, tỉnh L A. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, ông T không lo làm ăn sống thiếu trách nhiệm với gia đình, nên cả hai thường xuyên cải vã làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Bà đã nhiều lần khuyên nhũ, nhưng ông T không thay đổi, tuy bà và ông T vẫn còn sống chung nhà nhưng không quan tâm chăm sóc

nhau, ai cũng có cuộc sống riêng. Bà thấy rằng hiện nay mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

- Về nuôi con chung: Có ba con chung tên Nguyễn T Đ, sinh ngày 02/7/2001; Nguyễn T T, sinh ngày 03/8/2006; Nguyễn H Q, sinh ngày 26/8/2017, con đang sống chung với vợ chồng bà. Cháu Nguyễn T Đ đã trưởng thành bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn đối với cháu Q và cháu T khi ly hôn bà đồng ý để ông T nuôi dưỡng con chung bà không cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về chia nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đồng thời, Bà T có Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng của Tòa án các cấp vì hiện nay bà làm công nhân không thể xin nghỉ việc được.

Tại bản tự khai ngày 04/01/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn T T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất với lời trình bày của Bà T về quá trình xác lập quan hệ vợ chồng cũng như thủ tục đăng ký kết hôn. Ông T xác định mặc dù cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức phải ly hôn. Do đó, trước yêu cầu khởi kiện của Bà T ông không đồng ý vì ông còn thương vợ, thương con không muốn con sống thiếu tình cảm của mẹ.

- Về nuôi con chung: Có ba con chung tên Nguyễn T Đ, sinh ngày 02/7/2001; Nguyễn T T, sinh ngày 03/8/2006; Nguyễn H Q, sinh ngày 26/8/2017, con đang sống chung với ông. Cháu Nguyễn T Đ đã trưởng thành ông không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn đối với cháu Q và cháu T nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông yêu cầu được nuôi con không yêu cầu Bà T phải cấp dưỡng.

- Về chia tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về chia nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đồng thời, ông T có Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng của Tòa án các cấp vì hiện nay ông làm công nhân không thể xin nghỉ việc được.

Tại phiên tòa, Bà T, ông T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn T H T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn T T, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật tố tụng "Tranh chấp ly hôn",

thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn T H T và ông Nguyễn T T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào lời trình bày cũng như chứng cứ mà các đương sự cung cấp để giải quyết vụ án.

[3] Về việc tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án: Bà Nguyễn T H T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn T T, xác định Bà T là nguyên đơn, ông T là bị đơn.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của Bà T:

Bà T và ông T xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Yên, huyện Bến Lức, tỉnh Long An nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn:

Bà T trình bày về nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T không lo làm ăn, không chăm sóc vợ con, thiếu trách nhiệm với gia đình và tính tình vợ chồng không hợp nhau, bà đã tạo cơ hội để hàn gắn tình cảm, nhưng ông T không có thiện chí để cùng bà tiếp tục xây dựng gia đình, mặc dù cả hai sống chung nhà nhưng không quan tâm chăm sóc nhau. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án Bà T trình bày là không còn tình cảm với chồng, cuộc sống vợ chồng đã không còn hạnh phúc và mong Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T. Ông T không muốn ly hôn nhưng ông không đưa ra được phương án để hàn gắn tình cảm với Bà T. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông T Bà T đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà T.

Về nuôi con chung: Có ba con chung tên Nguyễn T Đ, sinh ngày 02/7/2001; Nguyễn T T, sinh ngày 03/8/2006; Nguyễn H Q, sinh ngày 26/8/2017. Cháu Nguyễn T Đ đã trưởng thành ông T Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử sẽ không xem xét. Đối với cháu Q và cháu T ông T có nguyện vọng được nuôi con chung. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án ông T Bà T đều thống nhất giao con chung cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng. Hơn nữa hai cháu cũng có nguyện vọng sống chung với ông T. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn T T, sinh ngày 03/8/2006; Nguyễn H Q, sinh ngày 26/8/2017 cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận ý kiến của ông T là không yêu cầu Bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Bà T ông T xác định về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia nợ chung: Bà T ông T xác định nợ chung không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét về nợ chung và tài sản chung. Nếu sau này, các đương sự có tranh chấp về tài sản, nợ chung có thể khởi kiện thành vụ án khác.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tóa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn T H T đối với ông Nguyễn T T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn T H T được ly hôn với ông Nguyễn T T.

2. Về nuôi con chung: Giao 02 con Nguyễn T T, sinh ngày 03/6/2006; Nguyễn H Q, sinh ngày 26/8/2017 cho ông Nguyễn T T tiếp tục nuôi dưỡng, bà Nguyễn T H T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích con chung, Tòa án có thể ra quyết định thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng khi có yêu cầu của một hoặc hai bên.

Trường hợp, bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Bà Nguyễn T H T phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012381 ngày 28/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Bà Nguyễn T H T đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo đối với bản án: Án xét xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm vụ án.

5. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh A;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Các đương sự;
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Hiền